TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 125/2025/HC-PT Ngày: 04 tháng 9 năm 2025 V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư và thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại trong bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 356/2025/TLPT-HC ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư và thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại trong bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2025/HC-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số C, đường H, khóm A, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau); Chỗ ở hiện nay: Lô I, nền số H, đường số A,

Khu dân cư T, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Hồng T: Ông Ngô Văn Đ là Luật sư thuộc H tại Cần Thơ thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (xin vắng mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, phường B, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Bình T1 - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số A, đường N, phường B, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.2. Ông Võ Phương N1, sinh năm 1955

3.3. Anh Võ Thanh L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số C, đường H, Khóm A, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau); Chỗ ở hiện nay: Lô I, nền số H, đường số A, Khu dân cư T, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Nguyễn Hồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi bà Nguyễn Hồng T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày nội dung sau:

Vào năm 1990 vợ chồng bà Nguyễn Hồng T có khai phá phần đất diện tích 193,70m^2 để cất nhà ở và kinh doanh (đất trước đó là ao, trũng), đến ngày 12/01/2018, Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ban hành Thông báo số 74/TB-UBND để thực hiện Dự án Khu bảo tồn kiến trúc và Du lịch Công tử Bạc Liêu thu hồi của bà 193,70m^2 (diện tích đất thực tế hơn 200m^2). Đến ngày 14/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình

bà T với số tiền 258.599.236 đồng, không bồi thường về đất và được xét bán nền tài định cư với diện tích 107,5m^2 giá 491.722.000 đồng. Bà T không nhận được bất kỳ Quyết định thu hồi đất nào của Ủy ban nhân dân thành phố B, không đồng ý việc không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và xét cấp nền tái định có thu tiền nên bà T khiếu nại. Ngày 12/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 128/QĐ-UBND không đồng ý với yêu cầu của bà T nên bà tiếp tục khiếu nại và ngày 13/11/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2083/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà T và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 128/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Nhận thấy Quyết định chi trả tiền bồi thường và các Quyết định giải quyết khiếu nại trên không đúng quy định pháp luật. Nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định như sau:

Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Hồng T;

Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Hồng T;

Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Hồng T (lần đầu);

Quyết định giải quyết khiếu nại số 2083/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Hồng T (lần 2).

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T nội dung như sau:

Ngày 31/12/1987 Ủy ban nhân dân tỉnh M (cũ) ban hành Quyết định số 144/QĐ-UB về việc giao quyền bảo quản khu vực Trụ sở cơ quan Hội liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh (cũ) đường Đ, Phường C, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu cho Sở Văn hóa thông tin tỉnh M (nay là tỉnh Bạc Liêu) bố trí làm Trụ sở cơ quan Công ty V, trong Quyết định có thể hiện rõ nội dung: Giao cho Sở Văn hóa thông tin, Công ty V có quyền bảo quản, sử dụng nhà, đất khu vực này, khi cần Nhà nước sẽ thu hồi,..Như vậy, toàn bộ khu đất này trước đây thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, Nhà nước chỉ giao cho Sở Văn hóa thông tin, Công ty vật phẩm văn hóa quyền quản lý, sử dụng. Tại đây có một phần được sử dụng là Trụ sở cơ quan, một phần xây dựng nhà tập thể cho cán bộ ở và một phần là đất trống. Ông N1 thời điểm đó là cán bộ Phòng Văn hóa ở tại Khu tập thể của Trường V1. Do đó, việc ông N1 sử dụng phần đất trống mà Công ty V văn hóa quản lý để làm kinh tế cải thiện cuộc sống gia đình là điều đáng khích lệ. Vì là đất do Nhà nước quản lý nên hồ sơ địa chính năm 1994 thể hiện phần đất này là đất trống, không thể hiện đất của vợ chồng ông N1, bà T. Do đó, căn cứ theo quy định pháp luật thì

Nhà nước chỉ bồi thường công tôn tạo đối với phần đất bị thu hồi của bà T, còn đối với việc bồi thường 100% giá trị đất thì theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 không có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu bố trí tái định cư: Khi Nhà nước thu hồi đất hộ bà T thì bà T đủ điều kiện để bồi thường 01 nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất và do hộ bà T không đủ điều kiện để được bồi thường giá trị đất nên không được bố trí nền tái định cư không thu tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Đồng thời, theo Công văn số 5010/UBND-KT ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về chủ trương bố trí tái định cư thì khu tái định cư tại góc đường H – Võ Thị S chỉ được dùng tái định cư cho các hộ dân đủ điều kiện theo quy định (bao gồm 24 hộ, không có tên hộ bà T). Ông N1 (chồng bà T) là người có công với cách mạng nên trong trường hợp nhận nền tái định cư sẽ được hưởng chế độ đất đai theo diện thân nhân liệt sĩ theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 quy định về hỗ trợ người hoạt động cách mạng.

Mặt khác, do hộ bà T là hộ kinh doanh cá thể, được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12/4/2001, trong quá trình hoạt động sản xuất có đóng thuế cho Nhà nước nên khi thực hiện Dự án trên Ủy ban nhân dân tỉnh B đã có Công văn số 3845/UBND-KT ngày 07/9/2018 để hỗ trợ việc ngừng sản xuất kinh doanh 2.000.000 đồng/ tháng với thời gian 06 tháng. Do đó, việc bà T yêu cầu được hỗ trợ việc ngừng sản xuất kinh doanh 2.000.000 đồng/ngày với thời gian 06 tháng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2083/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 là đúng quy định pháp luật.

Theo văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có cùng nội dung trình bày như sau: Căn cứ vào các Thông báo, Công văn liên quan đến việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu bảo tồn kiến trúc và dịch vụ du lịch Công tử Bạc Liêu thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Hồng T; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Hồng T là đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về nguồn gốc đất bị thu hồi và các căn cứ pháp luật liên quan đến việc giải quyết khiếu nại cho hộ bà T. Qua đó, việc ban hành quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phương N1 (chồng bà T) và anh Võ Thanh L (con bà T): Thống nhất với ý kiến trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau) đã quyết định như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Hồng T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 128/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2083/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc không chấp nhận bồi thường giá trị quyền sử dụng đất; bố trí nền tái định cư đường V - H và hỗ trợ việc ngừng sản xuất kinh doanh với số tiền 2.000.000 đồng/ngày với thời hạn 06 tháng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/01/2025 người khởi kiện bà Nguyễn Hồng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều vắng mặt và trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ thể hiện toàn bộ khu đất trước đây thuộc quyền sở hữu của Nhà nước theo Quyết định số 144/QĐ.UB ngày 31/12/1987 do UBND tỉnh M ban hành đã giao quyền bảo quản khu vực trụ sở cơ quan Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh (cũ) đường Đ, Phường C, thị xã B cho Sở Văn hóa thông tin tỉnh M bố trí làm trụ sở cơ quan Công ty V. Tại đây có một phần được sử dụng là trụ sở cơ quan, một phần được xây dựng nhà tập thể cho cán bộ ở, một phần là đất trống. Theo hồ sơ địa chính năm 1994 thể hiện phần đất này là đất trống, không thể hiện người quản lý hợp pháp là vợ chồng ông N1, bà T. Như vậy đủ cơ sở xác định phần đất hộ bà T bị thu hồi thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Bà T cho rằng đất là do vợ chồng bà tự khai phá, cải tạo và sử dụng từ năm 1990 cho đến nay nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, gia đình bà T chưa đủ điều để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất. Tuy nhiên,

gia đình bà T được xem xét hỗ trợ công tôn tạo là phù hợp với quy định pháp luật.

Về yêu cầu tái định cư tại khu gốc đường V - H, xét thấy gia đình bà T bị giải tỏa trắng, không đủ điều kiện bố trí tái định cư không thu tiền sử dụng đất. Nhưng để đảm bảo quyền lợi cho bà T, UBND thành phố B đã xem xét bố trí 01 nền tái định cư tại đường số A, phường G khu dân cư giáp khu tái định cư B có thu 100% tiền sử dụng đất và ông N1 (chồng bà T) là người có công với cách mạng nên trong quá trình làm việc UBND thành phố B đã có xem xét việc giảm số tiền khi thu tiền sử dụng đất là phù hợp.

Về yêu cầu hỗ trợ sản xuất, kinh doanh mỗi ngày 2.000.000 đồng với thời gian 6 tháng, xét thấy việc UBND thành phố B xét hỗ trợ cho hộ bà T 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của Luật Đất đai và chủ trương của UBND thành phố B.

Xét thấy việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 và Quyết định bổ sung 220/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B là đúng pháp luật, tuy nhiên về thẩm quyền ban hành quyết định chi trả bồi thường, hỗ trợ là Chủ tịch UBND thành phố không đúng nhưng không ảnh hưởng đến nội dung quyết định. Việc này đề nghị Chủ tịch UBND thành phố B cần rút kinh nghiệm.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, đúng pháp luật, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Hồng Thu làm trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét đối với xử vụ án.

[3] Bà Nguyễn Hồng T Khởi kiện các Quyết định hành chính mà bà cho là có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà bao gồm: Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung; Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu); Quyết định giải quyết khiếu nại số 2083/QĐ-UBND

ngày 13/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng xem xét các quyết định hành chính có liên quan bao gồm: Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 97 đối tượng có đất bị thu hồi (trong đó có hộ bà Nguyễn Hồng T) và Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi 3.229,10m^2 đất tại Khóm A, Phường C, thành phố B do Ủy ban nhân dân Phường C quản lý để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu bảo tồn kiến trúc và dịch vụ du lịch Công tử B (có liên quan đến Quyết định hành chính bị khiếu kiện), là phù hợp.

[4] Về nguồn gốc thửa đất, theo Quyết định 144/QĐ-UBND ngày 31/12/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh M có nội dung: *"Nay giao quyền bảo quản sử dụng khu vực Trụ sở cơ quan Hội liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh (cũ) đường Đ, Phường C, thị xã B cho Sở V để bố trí làm trụ sở cơ quan Công ty V văn hóa tổng hợp… Quyết định này chỉ giao quyền bảo quản sử dụng, không có quyền sở hữu, nếu cần Nhà nước có thể thu hồi vì lý do phục vụ công ích, hoặc do việc bảo quản sử dụng vi phạm quy định".* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cho rằng toàn bộ khu đất thuộc khu vực Trụ sở cơ quan Hội liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh (cũ) được giao cho Sở V, Công ty V quản lý, sử dụng; một phần được sử dụng làm Trụ sở cơ quan, một phần xây dựng nhà tập thể cho cán bộ và phần còn lại là đất trống. Tại Công văn số 798/UBND-NC ngày 15/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh B xác định phần đất mà gia đình bà T đang quản lý, sử dụng nằm trong khu vực đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh M giao quyền bảo quản, sử dụng cho Sở Văn hóa Thông tin tỉnh M theo Quyết định số 144/QĐ-UBND nêu trên.

[5] Về vấn đề này, bà Nguyễn Hồng T và ông Võ Phương N1 (chồng bà T) cũng đã trình bày: Năm 1990, ông N1 công tác tại Phòng Văn hóa nghệ thuật, do không có chỗ ở nên ông N1 được Nhà nước giao cho về ở khu tập thể của Trường V1, kế bên khu tập thể của trường có một phần đất trống, ao đìa nên ông N1 san lấp và cất nhà ở cho đến nay. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vợ chồng bà T, ông N1 thừa nhận từ trước đến nay chưa từng đăng ký kê khai phần đất này, không có một trong các loại giấy tờ về quản lý, sử dụng đất, không thể hiện người quản lý hợp pháp là vợ chồng ông N1, bà T. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định phần đất bị thu hồi của gia đình bà T là đất lấn chiếm và thuộc quyền quản lý của Nhà nước, là có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

[6.1] Về yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất:

Theo các phân tích tại mục [4][5] nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, phần diện tích đất bà T đang sử dụng bị thu hồi là do lấn chiếm đất mà không được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 99, Điều 100, Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013 thì bà T chưa đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà T không thuộc trường hợp được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 (quy định về các trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất). Cho nên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B không thực hiện việc bồi thường giá trị quyền sử dụng phần đất bị thu hồi cho bà T, mà chỉ hỗ trợ công tôn tạo, là đúng quy định của pháp luật.

[6.2] Về việc khiếu nại yêu cầu bố trí nền tái định cư:

Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 22 Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 5 Điều 6 Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01/7/2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất.."* và *"Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở".* Theo đó, hộ bà T thuộc trường hợp được cấp xét nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất, mà không thuộc trường hợp được bố trí một nền tái định cư không thu tiền sử dụng đất. Xét việc bố trí tái định cư tại góc đường V - H, theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì chỉ được bố trí cho các hộ đủ có điều kiện bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật. Do hộ bà T không đủ điều kiện được bố trí tái định cư như đã phân tích trên đây, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà T, là đúng quy định pháp luật.

[6.3] Về việc hỗ trợ sản xuất, kinh doanh 2.000.000 đồng mỗi ngày với thời gian 06 tháng:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai năm 2013 về trường hợp được bồi thường thiệt hại khi ngừng sản xuất kinh doanh, bao gồm: *"Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường",* và theo quy định tại Khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì: "*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ cho phù hợp với thực tế tại địa phương".*

Gia đình bà Nguyễn Hồng T là hộ kinh doanh cá thể, được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12/4/2001, trong quá trình hoạt động sản xuất có đóng thuế cho Nhà nước nên khi thực hiện Dự án trên Ủy ban nhân dân tỉnh B đã có Công văn số 3845/UBND-KT ngày 07/9/2018 để hỗ trợ việc ngừng sản xuất kinh doanh 2.000.000 đồng/tháng với thời gian 06 tháng. Việc bà T yêu cầu được hỗ trợ việc ngừng sản xuất kinh doanh 2.000.000 đồng/ngày với thời gian 06 tháng là

không có cơ sở chấp nhận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ việc sản xuất, kinh doanh trên cho hộ bà T như trên là đúng quy định pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Hồng T có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu nào chứng minh cho các lập luận của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Hồng T bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Hồng T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu cũ (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau);

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 53, 55, 60, 115, 116, 156, 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Hồng T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 128/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2083/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc không chấp nhận bồi thường giá trị quyền sử dụng đất; bố trí nền

tái định cư đường V - H và hỗ trợ việc ngừng sản xuất kinh doanh với số tiền 2.000.000 đồng/ngày với thời hạn 06 tháng.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số …….. ngày……. của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C)..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu